

Bản án số: 66/2023/DS - ST
Ngày: 28-3-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Năng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST - DS ngày 30/12/2021 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thùy L (vắng mặt) và ông Phan Ngọc H (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông T là nguyên đơn trình bày:

Nguyên tôi và vợ chồng ông H và bà L là chủ người cùng xóm thấy vợ chồng bà L cũng làm ăn mà gặp khó khăn nên tôi cho vợ chồng ông H hỏi vay số vàng 01 chỉ thì vợ chồng ông H đóng lãi và trả gốc đầy đủ, cũng trả xong cho tôi số vàng này. Thấy vậy, nên đến ngày 24/07/2017 vợ chồng ông H tiếp tục hỏi tôi thêm số vàng 03 chỉ vàng 24k vàng 98%. Sau đó, đến ngày 24/9/2017 vợ chồng ông H nói với tôi cần tiền làm vốn đi ghe trục nên tiếp tục hỏi tôi thêm 05 chỉ vàng 24k. Như vậy tổng cộng vợ chồng ông H nợ tôi 08 chỉ vàng 24k, thỏa thuận lãi suất 01 chỉ vàng tháng 200.000 đồng. Khi vay không làm giấy, chỉ thỏa thuận miệng. Sau khi vay, vợ chồng ông H đóng lãi đến tháng 01/2018 thì không đóng nữa. Tôi có nhiều lần yêu cầu chồng ông H trả số vàng gốc cho tôi nhưng ông H không trả mà chỉ hẹn hết lần này tới lần khác. Đến ngày 28/3/2019 tôi có yêu cầu ban lãnh đạo ấp C giải quyết, tại buổi hòa giải bà L thừa nhận có nợ tôi 08 chỉ vàng và hứa trả cho tôi mỗi tháng 01 chỉ vàng bắt đầu từ ngày 28/4/2019 mỗi tháng trả cho tôi 01 chỉ vàng 24k cho đến khi dứt nợ.

Nhưng vợ chồng ông H - bà L chỉ trả cho tôi được 01 chỉ vàng 24k còn lại 07 chỉ cho đến nay không trả, như vậy vợ chồng ông H và L còn nợ tôi tổng cộng 07 chỉ vàng 24k, vàng 98%. Tôi khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H - bà L pH trả dứt điểm số vàng trên.

Bị đơn ông H - bà L không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Kiểm sát viên về trình tự giải quyết án và nội dung vụ án:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:*

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Phan Ngọc Huỳnh H - bà Nguyễn Thùy L pH trả 07 chỉ vàng 24k, 995. Đây là tranh chấp liên quan đến tài sản theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Tòa án thực hiện đúng trình tự thụ lý vụ án, thủ tục cấp tổng đạt, quy định tại khoản 1, Điều 195; 196 BLTTDS 2015.

Về việc xác minh thu thập chứng cứ: Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 BLTTDS 2015. Tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên đương sự với nhau theo đúng trình tự tại Điều 210, 211 BLTTDS 2015. Đồng thời, thực hiện việc cấp tổng đạt cho đương sự đầy đủ theo qui định tại Điều 175; 177, 178 BLTTDS 2015.

Về thời hạn xét xử vụ án, Tòa án thụ lý ngày 09/11/2021 đến ngày 01/8/2022 mới đưa vụ án ra xét xử là không đảm bảo đúng qui định về thời hạn xét xử vụ án, qui định tại Điều 203 BLTTDS 2015; Ngoài ra, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát chưa đảm bảo đúng thời hạn qui định tại Khoản 2 Điều 220 BLTTDS 2015.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa thực hiện đúng các qui định của BLTTDS.*

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70, 71 BLTTDS 2015. Riêng bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình Điều 70, 72 BLTTDS 2015.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 147 BLTTDS 2015; khoản 4 Điều 11; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 BLDS 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H - bà L pH trả cho ông Nguyễn Văn T 07 chỉ vàng 24k, 995.

Áp dụng khoản 1 Điều 147 BLTTDS 2015, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn pH chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Tkhởi kiện yêu cầu ông H - bà L pH trả 07 chỉ vàng 24k, 98%. Đây là tranh chấp liên quan đến tài sản theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

Bà L - ông H là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H - bà L tham gia tố tụng. Tuy nhiên ông bà vắng mặt không có văn bản hoặc chứng cứ giao nộp đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông H - bà L theo qui định tại Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung vụ án, theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông H - bà L trả 7 chỉ vàng 24k 98%. Tuy nhiên về phía bị đơn không ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Thắng. Do đó ông TpH có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tại phiên Tòa ông Txác định vụ việc tranh chấp trước khi khởi kiện đã qua hòa giải tại cơ sở, cụ thể vụ việc đã được Ban lãnh đạo ấp Chà Rào, đưa ra hòa giải và tại phiên hòa giải trên bà L đã thừa nhận số vàng gốc, cam kết phương án trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng việc hòa giải của Ban lãnh đạo ấp Đảm bảo quy định về thành phần hòa giải và có xác nhận của UBND xã Thạnh Bình, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Đồng thời, tại phiên hòa giải trên, bà L tự thừa nhận có nợ ông Tsố vàng trên và đề xuất phương án trả nợ nhưng bà không thực hiện xem như đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Đối với ông H, quá trình giải quyết vụ án ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, biết được kết quả phiên họp công khai chứng cứ, các tài liệu nguyên đơn giao nộp nên việc ông H không ý kiến là xem như ông mặc nhiên thừa nhận số nợ trên của ông Thắng, cũng như đã từ bỏ quyền tranh tụng và các quyền của bị đơn theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Đồng thời tính đến thời điểm Tòa án thụ lý vụ kiện bà L - ông H vẫn là vợ chồng nên có căn cứ buộc ông bà cùng có trách nhiệm trả số vàng trên cho ông Tlà phù hợp với qui định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của ông Tđược chấp nhận nên ông Tkhông pH chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Tsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 896.000 đồng theo biên lai thu tiền số 5645, ngày 02/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Bị đơn ông H - bà L pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (7 chỉ vàng 24k x giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.400.000 đồng/chỉ) x 5% = 1.890.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11, Điều 436, 466 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc ông Phan Ngọc Huỳnh H - bà Nguyễn Thùy L trả cho ông T07 (bảy) chỉ vàng 24k, 98%.

2. Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông T không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 896.000 đồng (tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 5645, ngày 02/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Buộc ông H - bà L pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.890.000 đồng (một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2023). Bị đơn ông H - bà L tính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- Thi hành án huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Năng